

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MCB
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 119/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 18-12-2024

V/v: “Xin ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MCB, TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Đoan Trang

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đoàn Văn Vui

Ông Phan Thành Phước

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Võ Thị Minh Nguyệt – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện MCB tham gia phiên tòa: Ông Phan Trọng Thế – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện MCB, tỉnh Bến Tre công khai xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 274/2024/TLST – HNGĐ ngày 04 tháng 10 năm 2024 về việc “Xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 290/2024/QĐXXST – HNGĐ ngày 27/11/2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lê Kim C, sinh năm 1982;

Địa chỉ: ấp HH, xã HL, huyện MCB, tỉnh Bến Tre (có mặt);

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1976;

Địa chỉ: ấp HH, xã HL, huyện MCB, tỉnh Bến Tre (vắng mặt);

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Lê Kim C trình bày:

Bà và ông Nguyễn Văn T tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn với nhau tại Ủy ban nhân dân xã Hòa Lộc, huyện MCB, tỉnh Bến Tre ngày 12/10/2004. Sau khi kết hôn, cuộc sống vợ chồng hạnh phúc nhưng bắt đầu năm 2020 mâu thuẫn vợ chồng gay gắt cho đến nay. Vợ chồng thường xuyên gây gổ do bất đồng quan điểm trong cuộc sống; nguyên nhân chính là do ông T có quan hệ với người phụ nữ khác bên ngoài, bà tha thứ để vợ chồng hàn gắn lại hạnh phúc gia đình. Tuy nhiên đến năm 2024 thì bà phát hiện ông T không thay đổi tiếp tục có quen người phụ nữ khác; về kinh tế thì lương của ai người đó sử dụng, ông T có hành vi bạo lực về tinh thần đối với bà, mặc dù vợ chồng bà không có ly thân nhưng vợ chồng bà không nói chuyện với nhau, nhất là thời gian bà mang thai, sinh con, vợ chồng mâu thuẫn đến mức bà bị stress. Gia đình bà có hàn gắn cho vợ chồng bà nhưng đến nay mâu thuẫn giữa vợ chồng bà không giải quyết được, bà thấy đời sống

chung không thể kéo dài nên bà làm đơn xin ly hôn.

Trong quá trình hôn nhân, bà và ông T có 01 con chung tên Nguyễn Ngọc Tú A, sinh ngày 18/3/2021. Sau khi ly hôn, bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc con chung và không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có

Bị đơn ông Nguyễn Văn T không đến Tòa án giải quyết nhưng có đơn trình bày và yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt:

Vợ chồng ông không có mâu thuẫn gì với nhau, ông không có hành vi bạo lực gia đình, không vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Ông T mong muốn được đoàn tụ để vợ chồng cùng nhau nuôi con chung, để con không thiếu tình thương của cha mẹ. Đồng thời cũng cần khoảng thời gian hợp lý tạo điều kiện cho vợ chồng có thể hòa giải, suy nghĩ, xem xét lại quyết định xin ly hôn của mình. Do đó, ông T không đồng ý yêu cầu xin ly hôn của bà C.

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự, nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình;

- Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, cụ thể: Về hôn nhân: Xét thấy, mặc dù cuộc sống vợ chồng bà có mâu thuẫn nhưng không có chứng cứ chứng minh mâu thuẫn đã trầm trọng, vợ chồng chưa ly thân nhau, ông T không muốn ly hôn nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà C. Do không chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà C nên không xem xét giải quyết về con chung..

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn bà Lê Kim C yêu cầu ly hôn với bị đơn Nguyễn Văn T, do ông T có địa chỉ tại ấp HH, xã HL, huyện MCB, tỉnh Bến Tre. Do đó, căn cứ các Điều 28 và Điều 35 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 xác định đây là vụ án “Xin ly hôn” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện MCB, tỉnh Bến Tre.

[2] Tòa án nhân dân huyện MCB, tỉnh Bến Tre đã triệu tập hợp lệ bị đơn ông Nguyễn Văn T đến Tòa án tham dự hòa giải nhưng ông T không đến; Bị đơn ông Nguyễn Văn T có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Do đó, căn cứ Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông T là đúng quy định.

[3] Về hôn nhân: Bà Lê Kim C và ông Nguyễn Văn T tự nguyện kết hôn với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã HL, huyện MCB, tỉnh Bến Tre ngày 12/10/2004 nên được xem là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống bà C cho rằng vợ chồng thường xuyên gây gổ do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, ông T có hành vi bạo lực tinh thần bà; Vợ chồng có bàn bạc, trao đổi nhưng không thể hòa hợp, nhất là thời gian bà mang thai, sinh con, mâu thuẫn vợ chồng bà đến mức bà bị stress. Đến nay

mâu thuẫn giữa vợ chồng bà không giải quyết được, mặc dù vợ chồng bà không có ly thân với nhau nhưng vợ chồng ăn riêng, không nói chuyện với nhau. Nay bà xác định không còn tình cảm với ông T nên bà cương quyết xin ly hôn với ông T.

Mặc dù ông T trình bày, vợ chồng ông không có mâu thuẫn gì với nhau, ông không có hành vi bạo lực gia đình, không vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Ông T mong muốn được đoàn tụ để vợ chồng cùng nhau nuôi con chung, để con không thiếu tình thương của cha mẹ. Đồng thời cũng cần khoảng thời gian hợp lý tạo điều kiện cho vợ chồng có thể hòa giải, suy nghĩ, xem xét lại quyết định xin ly hôn của mình. Ông T không đồng ý ly hôn với bà C. Tuy nhiên, khi Tòa án mời ông T đến tham dự hòa giải nhằm để hàn gắn lại tình cảm vợ chồng cho ông T với bà C nhưng ông T không đến. Điều này cho thấy ông T có thái độ bỏ mặc, không quan tâm đến hôn nhân của vợ chồng ông.

Tòa án nhân dân huyện MCB, tỉnh Bến Tre tiến hành xác minh bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1977, địa chỉ ấp HH, xã HL, huyện MCB, tỉnh Bến Tre cho biết: Bà là chị dâu của bà Lê Kim C, nhà bà kế bên nhà bà C, ông T. Bà C và ông T tự nguyện kết hôn với nhau. Qua lời kể của bà C thì ông T đi làm ít về nhà, cuối tuần mới về thăm con, có tuần không về. Bà C thường xuyên ăn cơm ở nhà bà, vợ chồng bà C không có nấu cơm, không ăn cơm chung. Mâu thuẫn vợ chồng như thế nào bà không rõ, chỉ nghe bà C nói là bất đồng quan điểm nhiều việc.

Hội đồng xét xử xét thấy: Mâu thuẫn giữa vợ chồng ông T và bà C thực tế đã xảy ra, mặc dù sống chung nhà nhưng vợ chồng ăn riêng, vợ chồng bỏ mặc nhau không chăm sóc, giúp đỡ nhau. Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 4 Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, là thuộc trường hợp hôn nhân vợ chồng bà C, ông T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu xin ly hôn của bà C là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về con chung: Trong quá trình hôn nhân, bà C và ông T có 01 con chung tên Nguyễn Ngọc Tú A, sinh ngày 18/3/2021. Hội đồng xét xử xét thấy, hiện nay cháu Nguyễn Ngọc Tú A còn nhỏ, cần được mẹ chăm sóc nên Hội đồng xét xử giao cháu A cho bà C được trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc con chung là phù hợp. Ghi nhận bà C không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung.

[5] Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận, nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[6] Về nợ chung: không có, nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[7] Lời phát biểu ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận.

[8] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm bà Lê Kim C phải nộp theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Căn cứ các Điều 28, 35, 147 và Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Lê Kim C, cụ thể tuyên:

- *Về hôn nhân*: Bà Lê Kim C được ly hôn ông Nguyễn Văn T

- *Về con chung*: Bà Lê Kim C và ông Nguyễn Văn T có 01 con chung tên Nguyễn Ngọc Tú A, sinh ngày 18/3/2021. Sau khi ly hôn, bà Lê Kim C được trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc con chung. Ghi nhận bà Lê Kim C không yêu cầu ông Nguyễn Văn T cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông Nguyễn Văn T được quyền đến thăm, chăm sóc và giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như việc cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung*: Bà Lê Kim C và ông Nguyễn Văn T tự thỏa thuận nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- *Về nợ chung*: Bà Lê Kim C và ông Nguyễn Văn T khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- *Về án phí*: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) bà Lê Kim C phải nộp nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0004453 ngày 04/10/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện MCB.

“Trưởng hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại nơi cư trú.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện MCB;
- Chi Cục THADS huyện MCB;
- Các đương sự;
- UBND xã HL;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Thị Đoan Trang

